TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Việt
Ông Huỳnh Việt Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Dương Thanh Q**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã C, huyện L, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Bà **Châu Phương T**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: 10056.143A Street S, B V3T 4Z5, C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-12-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Dương Thanh Q trình bày:

Vào năm 2010, qua người quen giới thiệu, ông có quen biết với bà Châu Phương T (Việt kiều C). Sau một thời gian tìm hiểu, ông và bà T đã tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 194, quyển số 01 ngày 28-10-2010. Sau khi kết hôn thì bà T ở Việt Nam thời gian ngắn với ông rồi quay về C. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của ông, bà hạnh phúc. Ông, bà thường xuyên liên lạc qua đường điện thoại và do công việc của bà T bên C ít nên chưa có đủ điều kiện bảo lãnh ông sang C sinh sống để đoàn tụ gia đình và cũng không có thời gian về Việt Nam thăm ông, do vợ chồng xa cách lâu ngày nên tình cảm ngày càng phai nhạt, giữa ông, bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần liên lạc quan điện thoại thường cãi nhau do tính cách trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, tại C bà T đã đơn phương làm đơn

xin ly hôn ông và đã được Tòa án tối cao B của C chấp thuận. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn bà T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông và bà T không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-12-2017, bị đơn bà Châu Phương T trình bày:

Bà T yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mọi quyết định của Tòa án bà hoàn toàn chấp nhận mà không có bất kỳ một khiếu nại nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Dương Thanh Q và bị đơn bà Châu Phương T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Q và bà T, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Dương Thanh Q và bà Châu Phương T có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28-10-2010 (số 194, Quyển số 01), là đúng quy định tại các điều 9, 10, 11 và 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, hôn nhân giữa ông Q và bà T là hợp pháp.

[4] Xét thấy, trong thời gian chung sống với nhau ông Q và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách trái ngược nhau và có những bất đồng về quan điểm sống, cũng như việc bà T về C làm việc dài hạn và ông Q ở lại Việt Nam dẫn đến tình cảm giữa hai người ngày càng phai nhạt. Mặt khác, bà T đã đơn phương yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại C giải quyết ly hôn ông Q và đã được giải quyết cho ly hôn theo Đạo luật ly hôn (C) theo lệnh của Tòa án đã có hiệu lực và hủy bỏ hôn nhân vào ngày 27-3-2015 (Căn cứ vào Giấy chứng nhận ly hôn do Tòa án tối cao B của C cấp ngày 14-7-2015).

[5] Như vậy, hôn nhân giữa ông Q và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên việc ông Q yêu cầu được ly hôn bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện của ông Q thì trong thời gian chung sống với bà T, vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà T đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội

đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông Q và bà T.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Q phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh S, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001551 ngày 23-01-2018, ông Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 53 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Dương Thanh Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Dương Thanh Q được ly hôn bà Châu Phương T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Q khai không có, ông Q và bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Dương Thanh Q phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh S, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001551 ngày 23-01-2018, ông Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Q có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà T có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh S;

(Đã ký tên)

- Cục THADS tỉnh S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Đức Khải